

Bản án số: 63/2019/HS-ST
Ngày 12, 15/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12, 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 426/2019/HSST-QĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Lưu Thị V**, sinh ngày 30/01/1973 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đoàn Kết 2, phường NH, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Đình M và bà Hoàng Thị Đ; có chồng là Man Tin K1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 11/4/2018, chuyển tạm giam từ ngày 20/4/2018, đến ngày 11/6/2018 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, từ ngày 12/12/2018 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. **Ngô Thị Thu H**, sinh ngày 19/10/1970 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 47C Nguyễn Hữu Cầu, phường NH, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn C và bà Nguyễn Thị T3; có chồng là Lưu Đình T1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 11/4/2018, chuyển tạm giam từ ngày 20/4/2018, đến ngày 11/6/2018 thay thế

bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, từ ngày 12/12/2018 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. **Đinh Thị T**, sinh ngày 02/4/1965 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 3/166 Sơn Hải, phường NH, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Xuân T4 và bà Trần Thị T5; có chồng là Lưu Đình T6 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 11/4/2018, đến ngày 20/4/2018 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. **Lưu Đình T1**, sinh ngày 04/7/1968 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 47C Nguyễn Hữu Cầu, phường NH, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Đình M và bà Hoàng Thị Đ; có vợ là Ngô Thị Thu H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 11/4/2018, đến ngày 20/4/2018 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. **Lưu Tuấn A** (tên gọi khác: Tuấn), sinh ngày 12/7/1992 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 12 Đại Đồng, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Hải Q và bà Lưu Thị V; có vợ là Bùi Thị Kim O và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 11/4/2018, đến ngày 20/4/2018 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. **Vũ Thị H1** (tên gọi khác: Hợp), sinh ngày 13/8/1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 51 Nguyễn Hữu Cầu, phường NH, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn B và bà Vũ Thị D; có chồng là Đinh Xuân H3 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 12/4/2018, đến ngày 20/4/2018 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. **Nguyễn Thị L**, sinh ngày 06/01/1956 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ Vinh Quang, phường NH, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phú L1 và bà Lưu Thị N1; có chồng là Đinh Xuân H4 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/10/2018; có mặt.

8. **Nguyễn Thị K**, sinh ngày 01/6/1975 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Ngõ 155 tổ 6, phường NX, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình

độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Đ1 và bà H Thị N2; có chồng là Phạm Văn C1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/10/2018; có mặt.

9. **Nguyễn Thị N**, sinh ngày 09/4/1993 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ Sản Xuất, phường NH, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc S1 và bà Nguyễn Thị N3; có chồng là Hoàng Gia H5 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/10/2018; có mặt.

10. **Đinh Đình T2**, sinh ngày 10/8/1986 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 2, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Đình N4 và bà Nguyễn Thị T7; có vợ là Hoàng Thị D1 và 01 con; nhân thân, tiền án, tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19/QĐ-XPHC ngày 10/8/2017 của Công an phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng về hành vi bán bằng đề bằng hình thức phạt tiền; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/10/2018; có mặt.

11. **Đinh Thị S**, sinh ngày 05/5/1955 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ Tiên Phong, phường NH, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Đình S2 và bà Đinh Thị C2; có chồng là Lê Văn H6 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/10/2018; có mặt.

12. **Đinh Thị P**, sinh ngày 06/01/1966 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ Đoàn Kết 1, phường NH, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Xuân N5 và bà Đinh Thị V; có chồng là Lưu Đình Q1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/10/2018; có mặt.

13. **Hoàng Thị H2** (tên gọi khác: Sáu), sinh ngày 03/5/1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ Hòa Bình, phường NH, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình C3 và bà Lưu Thị H7; có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/11/2018; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18h15' ngày 10/4/2018, tại nhà số 47C Nguyễn Hữu Cầu, phường NH, quận ĐS, thành phố Hải Phòng, tổ công tác Phòng Cảnh sát kinh tế kết hợp Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hải Phòng bắt quả tang Ngô Thị Thu H; Lưu Đình T1; Lưu Thị V và Lưu Tuấn A về hành vi nhận, tổng hợp các bảng lô, đề do những người bán đề thuê chuyển đến. Cùng thời điểm này, tại nhà số 3/166 Sơn Hải, phường NH, quận ĐS, thành phố Hải Phòng, tổ công tác bắt quả tang Đinh Thị T về hành vi nhận các bảng lô, đề từ những người bán đề thuê chuyển đến, sau đó tổng hợp và chuyển các bảng đề cho V qua phần mềm ứng dụng Messenger trên điện thoại di động. Tổ công tác đã tiến hành thu giữ các vật chứng liên quan đến vụ án gồm: Thu của Đinh Thị T: 43 bảng đề, 03 tờ giấy ghi nháp số bao, đề; 02 điện thoại di động; 01 máy fax và số tiền 35.000.000 đồng. Thu của Ngô Thị Thu H và Lưu Đình T1: 32 tờ bảng đề; 05 điện thoại di động; 01 máy fax; số tiền 14.500.000 đồng. Thu của Lưu Thị V: 09 bảng đề và tờ giấy ghi nháp số bao, đề; 02 điện thoại di động; 01 máy fax; số tiền 9.500.000 đồng, tạm giữ trong túi xách của V 55.000.000 đồng. Thu của Lưu Tuấn A 01 điện thoại di động.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà Đinh Thị T: 01 máy fax; tạm giữ trong két sắt số tiền 96.000.000 đồng. Thu giữ tại nhà Lưu Đình T1: 01 máy in nhãn hiệu Canon; 01 máy tính casio, 01 đầu phát Wifi, 01 đầu thu camera, 01 quyển tờ phoi.

Quá trình điều tra, xác định: Trong ngày 10/4/2018, Đinh Thị T đã nhận 30 bảng đề từ những người bán đề thuê chuyển đến, tương ứng số tiền 68.685.000 đồng, T chuyển cho V 09 bảng đề tương ứng 45.025.000 đồng. Ngô Thị Thu H và Lưu Đình T1 đã nhận 32 bảng đề tương ứng với 113.732.000 đồng, H chuyển cho V 03 bảng đề tương ứng 25.500.000 đồng. Lưu Thị V nhận 12 bảng đề từ T và H chuyển đến, tương ứng số tiền 70.525.000 đồng. Có 8 người bán số bao, đề thuê cho Đinh Thị T và Ngô Thị Thu H để hưởng lợi theo tỉ lệ phần trăm hoa hồng, trong ngày 10/4/2018 đã chuyển các bảng lô, đề có số tiền tương ứng trên 5.000.000 đồng. Cụ thể là: Vũ Thị H1 chuyển cho H 01 bảng đề tương ứng 26.685.000 đồng; Nguyễn Thị L chuyển cho H 03 bảng đề tương ứng 19.430.000 đồng; Nguyễn Thị K chuyển cho H 01 bảng đề tương ứng 13.970.000 đồng; Đinh Đình T2 chuyển cho H 03 bảng đề tương ứng 6.805.000 đồng; Nguyễn Thị N chuyển cho T 03 bảng đề tương ứng 7.980.000 đồng; Đinh Thị S chuyển cho T 01 bảng đề tương ứng 5.425.000 đồng; Đinh Thị P chuyển cho T 01 bảng đề tương ứng 5.320.000 đồng và Hoàng Thị H2 chuyển cho T 01 bảng đề với tổng số tiền là 5.325.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, xét hỏi Lưu Thị V, Đinh Thị T, Ngô Thị Thu H, Lưu Đình T1 và Lưu Tuấn A khai nhận:

Từ khoảng tháng 10/2017, V, T và H bắt đầu tổ chức đánh bạc bằng việc làm “chủ đề”, theo đó từ khoảng 17h30' hàng ngày, H, T nhận các bảng đề do những người bán đề thuê chuyển đến bằng 03 hình thức: trực tiếp thu gom; người bán trực tiếp chuyển đến nhà; chuyển qua máy fax, tin nhắn zalo, messenger, sau đó tổng hợp lại và chuyển những bảng mà khách mua với lượng tiền lớn cho V để hưởng chênh lệch hoa hồng, chỉ giữ lại một số bảng đề trực tiếp trả tiền trúng thưởng cho người chơi và trả tiền hoa hồng cho những người bán thuê. Việc thanh toán tiền công, trả thưởng được thực hiện vào ngày hôm sau, căn cứ vào kết quả Xổ số Miền Bắc mở thưởng hàng ngày. Cụ thể: Số đề là số có hai chữ số, số trúng thưởng là số trùng với hai số cuối cùng của giải đặc biệt, người chơi T1 cuộc được trả thưởng gấp 80 lần số tiền bỏ ra mua. Số 3 càng là số có 3 chữ số, số trúng thưởng là số trùng với 3 số cuối cùng của giải đặc biệt, được trả thưởng gấp 400 lần số tiền đã mua. Số bao xiên gồm có số bao xiên 2 (là cặp 2 số có hai chữ số), bao xiên 3 (cặp 3 số có hai chữ số) và bao xiên 4 (cặp 4 số có hai chữ số); số xiên 2 trúng thưởng là các số trong cặp phải trùng với 2 số cuối cùng của hai trong các giải kết quả xổ số Miền Bắc, được trả thưởng gấp 14 lần số tiền đã mua; tương tự số xiên 3 trúng thưởng phải trùng với hai số cuối của ba trong các giải, trả thưởng gấp 45 lần hoặc 48 lần; số xiên 4 trúng thưởng phải trùng với hai số cuối của bốn trong các giải, trả thưởng gấp 150 lần hoặc 180 lần số tiền đã mua. Số bao thường là số có hai chữ số, số trúng thưởng là số trùng với hai số cuối cùng của một trong các giải, trả thưởng gấp 3,4 hoặc 3,5 lần số tiền đã mua. Chiều ngày 10/4/2018, sau khi nhận bảng đề từ những người bán thuê, Đinh Thị T thống kê các số bao, đề thành 10 bảng đề và chuyển 09 bảng đề cho Lưu Thị V bằng cách chụp lại, gửi qua ứng dụng messenger trên điện thoại di động; Ngô Thị Thu H đem toàn bộ số bảng đề nhận được lên phòng tầng 2 của nhà mình, cùng chồng là Lưu Đình T1 in bảng đề từ tin nhắn Zalo trên điện thoại di động và nhận qua máy fax. Sau đó, H lựa chọn, đọc cho T1 ghi các số bao, đề khách mua số lượng tiền lớn ra 03 bảng đề rồi mang lên chuyển cho V đang cùng con trai là Lưu Tuấn A nhận, thống kê số bao, đề tại phòng trên tầng 3 của nhà H. Trong lúc các bị cáo đang tổng hợp và chuyển bảng đề cho nhau, thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang cùng vật chứng.

Về số tiền được hưởng lợi, các bị cáo khai: Lưu Thị V trả cho Đinh Thị T: 40% số tiền đã mua số 3 càng, 18% số tiền mua số đề, 20% số tiền mua số bao xiên, 05% số tiền mua số bao thường; trả cho Ngô Thị Thu H 18% số tiền mua số đề, 3 càng, bao xiên và 05% số tiền mua số bao thường. H và T trả tiền hoa hồng cho những người bán đề thuê chuyển số bao, đề cho T, H: 18% số tiền mua số đề, 3 càng, bao xiên và 05% số tiền mua số bao thường. Việc thanh toán tiền hoa hồng và trúng thưởng được các bị cáo thực hiện vào khoảng 16h chiều ngày hôm sau tại nhà riêng. Trong ngày 10/4/2018, nếu không bị bắt, T được hưởng 20.077.000 đồng; H được hưởng 23.258.000 đồng; V bị thua lỗ 2.180.000 đồng. T1 và Tuấn A

khai việc giúp H và V không được hưởng lợi gì. Về nguồn thu nhập chính, các bị cáo đều khai từ việc buôn bán hoặc đi làm thuê.

Các bị cáo Vũ Thị H1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K, Đinh Đình T2, Nguyễn Thị N, Đinh Thị P, Đinh Thị S, Hoàng Thị H2 khai nhận hành vi bán và chuyển các bảng lô, đề cho H và T để hưởng tiền hoa hồng với tổng số tiền trên các bảng đề như nêu trên. Về những người khách mua số đề, các bị cáo khai đều không quen biết, không rõ tên tuổi, địa chỉ. Ngày 10/4/2018, nếu T không bị bắt, N sẽ được hưởng tiền hoa hồng là 915.000 đồng; P được hưởng 567.000 đồng; S được 508.000 đồng; H2 được hưởng 620.000 đồng. Nếu H không bị bắt, H1 được hưởng tiền hoa hồng là 2.463.000 đồng; L được hưởng 1.742.000 đồng; T2 được hưởng 964.000 đồng và K được hưởng 1.513.000 đồng.

Về vật chứng: 87 tờ bảng đề và giấy ghi nháp số bao, đề chuyển kèm theo hồ sơ vụ án. Đối với 04 máy fax; 10 điện thoại di động; 02 máy tính casio; 01 máy in; 01 đầu phát wifi, 01 đầu thu camera; 01 quyển tờ phoi và số tiền 161.447.000 đồng chuyển Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng chờ xử lý.

Đối với số tiền 55.000.000 đồng tạm giữ trong túi xách của Lưu Thị V và số tiền 96.000.000 đồng tạm giữ trong két sắt nhà Đinh Thị T, quá trình điều tra đã xác định không liên quan đến tội phạm, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKS-P2 ngày 07 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Lưu Thị V, Ngô Thị Thu H, Đinh Thị T, Lưu Đình T1, Lưu Tuấn A (tức Tuấn) và Vũ Thị H1 (tức Hợp) về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N, Đinh Đình T, Đinh Thị S, Đinh Thị P và Hoàng Thị H2 (tức Sáu) về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Lưu Thị V từ 140.000.000 đến 180.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Ngô Thị Thu H từ 140.000.000 đến 180.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Đinh Thị T từ 130.000.000 đến 170.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Lưu Đình T1 từ 80.000.000 đến 120.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Lưu Tuấn A (tên gọi khác: Tuấn) từ 80.000.000 đến 120.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Vũ Thị H1 (tên gọi khác: Hợp) từ 80.000.000 đến 120.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị L từ 50.000.000 đến 70.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị K từ 40.000.000 đến 60.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị N từ 25.000.000 đến 35.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Đinh Đình T2 từ 30.000.000 đến 40.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Đinh Thị S từ 20.000.000 đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Đinh Thị P từ 20.000.000 đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Hoàng Thị H2 (tức Sáu) từ 20.000.000 đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận gì đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

Các bị cáo có lời nói sau cùng: Do trình độ hiểu biết còn hạn chế, các bị cáo đều không lấy tiền thu lợi bất chính là nguồn sống chính, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng hình phạt chính là phạt tiền theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

[3] Ngày 10/4/2018 Lưu Thị V, Ngô Thị Thu H và Đinh Thị T có hành vi tổ chức đánh bạc dưới hình thức làm chủ lô đề, trả hoa hồng và thanh toán tiền trúng thưởng cho những người mua số bao đề thông qua những người bán lô, đề, trong đó V tổ chức đánh bạc với tổng lượng tiền là 70.525.000 đồng, H là 113.732.000 đồng và T là 68.685.000 đồng; Lưu Đình T1 và Lưu Tuấn A có hành vi giúp sức cho Ngô Thị Thu H và Lưu Thị V trong việc nhận và tổng hợp các bảng đề; Vũ Thị H1 có hành vi bán đề và chuyển bảng đề cho H để hưởng tiền hoa hồng, với tổng lượng tiền mua bao, đề ghi trên bảng là 26.685.000 đồng.

[4] Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N, Đinh Đình T2, Đinh Thị S, Đinh Thị P, Hoàng Thị H2 có hành vi bán số bao, đề thuê cho T và H để hưởng tiền hoa hồng. Tổng số tiền ghi trên bảng đề các bị can chuyển cho T, H trong ngày 10/4/2018 cụ thể: L là 19.430.000 đồng; K 13.970.000 đồng; N 7.980.000 đồng; T2 6.805.000 đồng; S 5.425.000 đồng; P 5.320.000 đồng; H2 5.325.000 đồng.

[5] Do vậy, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lưu Thị V, Ngô Thị Thu H, Đinh Thị T, Lưu Đình T1, Lưu Tuấn A (tức Tuấn) và Vũ Thị H1 (tức Hợp) đồng phạm tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N, Đinh Đình T, Đinh Thị S, Đinh Thị P và Hoàng Thị H2 (tức Sáu) đồng phạm tội “Đánh bạc” quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Hành vi Tổ chức đánh bạc của các bị cáo Lưu Thị V, Ngô Thị Thu H, Đinh Thị T, Lưu Đình T1, Lưu Tuấn A (tức Tuấn) và Vũ Thị H1 (tức Hợp) thuộc loại tội nghiêm trọng; hành vi Đánh bạc của các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N, Đinh Đình T, Đinh Thị S, Đinh Thị P và Hoàng Thị H2 (tức Sáu) thuộc loại tội ít nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân bởi Tổ chức

đánh bạc và Đánh bạc dưới hình thức lô đề là tệ nạn xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm nghiêm trọng khác.

Về tình tiết định khung hình phạt:

[7] - *Về hành vi “Tổ chức đánh bạc”*: Lưu Thị V tổ chức đánh bạc với tổng lượng tiền là 70.525.000 đồng, H là 113.732.000 đồng và T là 68.685.000 đồng; Lưu Đình T1 và Lưu Tuấn A có hành vi giúp sức cho Ngô Thị Thu H và Lưu Thị V trong việc nhận và tổng hợp các bảng đề; Vũ Thị H1 có hành vi bán đề và chuyển bảng đề cho H để hưởng tiền hoa hồng, với tổng lượng tiền mua bao, đề ghi trên bảng là 26.685.000 đồng nên các bị cáo Lưu Thị V, Ngô Thị Thu H, Đình Thị T, Lưu Đình T1, Lưu Tuấn A (tức Tuấn) và Vũ Thị H1 (tức Hợp) phải chịu tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự: “*Tổng số tiền dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20 triệu đồng trở lên*”.

[8] - *Về hành vi “Đánh bạc”*: Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N, Đình Đình T2, Đình Thị S, Đình Thị P, Hoàng Thị H2 (tức Sáu) có hành vi bán số bao, đề thuê cho T và H để hưởng tiền hoa hồng. Tổng số tiền ghi trên bảng đề các bị cáo chuyển cho T, H trong ngày 10/4/2018 cụ thể: L là 19.430.000 đồng; K 13.970.000 đồng; N 7.980.000 đồng; T2 6.805.000 đồng; S 5.425.000 đồng; P 5.320.000 đồng; H2 5.325.000 đồng nên các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N, Đình Đình T2, Đình Thị S, Đình Thị P và Hoàng Thị H2 (tức Sáu), ngoài ra các bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng nào khác nên bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Về vai trò:

- *Đối với tội Tổ chức đánh bạc:*

[9] Các bị cáo V, T, H cùng thống nhất tổ chức đánh bạc dưới hình thức làm chủ đề. Trong đó H và T nhận các bảng đề do những người bán đề thuê chuyển đến bằng 03 hình thức: Trực tiếp thu gom; người bán trực tiếp chuyển đến nhà, chuyển qua máy fax, tin nhắn Zalo, messenger, sau đó tổng hợp lại và chuyển những bảng mà khách mua với lượng tiền lớn cho V để hưởng chênh lệch hoa hồng, chỉ giữ lại một số bảng đề trực tiếp trả tiền trúng thưởng cho người chơi và trả tiền hoa hồng cho những người bán thuê.

[10] Như vậy, bị cáo V giữ vai trò cao nhất là người tổ chức đánh bạc trả tiền hoa hồng cho các đại lý bán đề (việc các bị cáo thua lỗ trong ngày 10/4/2018 là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo). Tiếp đến là bị cáo T và H, vừa là người tổ chức và vừa là người thực hành. T, H đã thuê các đối tượng khác bán đề và trả tiền hoa hồng cho họ để hưởng phần trăm chênh lệch. Bị cáo Vũ Thị H1 nhận bán đề thuê cho Ngô Thị Thu H để hưởng tiền hoa hồng. Bị cáo T1 và Tuấn A là người thực hành, giúp sức tích cực cho V, T, H và không được hưởng lợi gì trong việc tổ chức

đánh bạc nên vai trò của bị cáo T1 và Tuấn A là thấp nhất trong nhóm bị cáo phạm tội Tổ chức đánh bạc.

- *Đối với Tội đánh bạc:*

[11] Các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K, Đinh Đình T2, Nguyễn Thị N, Đinh Thị P, Đinh Thị S, Hoàng Thị H2 đã có hành vi bán và chuyển các bảng lô, đề cho H và T để hưởng tiền hoa hồng với tổng số tiền trên các bảng đề. Các bị cáo đều không biết tên tuổi của những người đã mua số đề. Như vậy, các bị cáo đồng phạm tội Đánh bạc đều thực hiện trực tiếp việc đánh bạc; căn cứ vào số tiền đánh bạc và số tiền được hưởng để áp dụng hình phạt đối với các bị cáo.

[12] ***Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*** Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[13] ***Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*** Các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo. Các bị cáo L, K, N, T2, S, P và H2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[14] Bị cáo K có chú ruột là ông Nguyễn Ngọc B1 và ông Nguyễn Ngọc T8 đều là Liệt sỹ. Bị cáo H1 đầu thú và có bố mẹ đẻ, bố chồng (ông Đinh Xuân P2) tham gia kháng chiến được tặng thưởng nhiều huân chương, có chú là Liệt sỹ Vũ Xuân T9. Bị cáo L, S đều từng tham gia kháng chiến chống Mỹ hiện được hưởng trợ cấp của Nhà nước; bị cáo L có anh trai là Liệt sỹ Nguyễn Phú K1; có anh trai là ông Nguyễn Phú B2 là dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; có ông Đinh Xuân N6 là anh trai chồng được tặng Bằng khen của Bộ Công an, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, Kỷ niệm chương vì chủ quyền an ninh biên giới. Bị cáo V, T1 có bố đẻ là ông Lưu Đình M – tức ông ngoại bị cáo Tuấn A và là bố chồng bị cáo H - được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; Kỷ niệm chương quân tình nguyện Việt Nam giúp Lào, có anh trai là ông Lưu Đình S3 – tức bác ruột bị cáo Tuấn A và là anh chồng bị cáo H - là thương binh hạng 4/4. Bị cáo H có bố đẻ là ông Ngô Văn C – tức là bố vợ bị cáo T1, được tặng Huân chương chiến T1 hạng Ba. Bị cáo N hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó, các bị cáo L, V, H, Tuấn A, T1, H1, N được hưởng thêm được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

[15] Các bị cáo (trừ bị cáo T2) nhân thân đều không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; có công việc riêng, không lấy thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội là

nguồn sống chính. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi, vai trò của các bị cáo trong vụ án và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm; đặc biệt là thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Bị cáo V có vai trò cao nhất, bị cáo H tuy vai trò thấp hơn V nhưng số lượng tiền trên các bảng đề thu được là nhiều nhất nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo V và H ngang bằng nhau, và cao hơn so với T; mức hình phạt đối với H1, T1, Tuấn A là ngang nhau và thấp nhất trong nhóm các bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Đối với các bị cáo nhóm “Đánh bạc”, căn cứ vào số lượng tiền trên các bảng đề thu được để quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo. Trong đó, bị cáo Đinh Đình T2 có 01 tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19/QĐ-XPHC ngày 10/8/2017 của Công an phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng về hành vi bán bảng đề bằng hình thức phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo T2 cung cấp đơn đề nghị có xác nhận của Công an phường VS về việc bị cáo T2 đã nộp tiền phạt ngay khi nhận được Quyết định, kể từ thời điểm chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đến nay không có lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính. Tại phiên tòa, bị cáo T2 khẳng định đã nộp tiền phạt 1.000.000 đồng ngay ngày 10/8/2017. Đồng thời, tại bản Trích lục tiền án, tiền sự tại Phòng Hồ sơ Công an thành phố Hải Phòng thể hiện bị cáo Đinh Đình T2 không có tiền án, tiền sự. Do đó, bị cáo T2 đủ điều kiện để được hưởng hình phạt chính là phạt tiền. Tuy nhiên, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo T2 cao hơn so với các bị cáo N, S, P, H2.

Về vật chứng:

[16] - 04 máy fax: 01 máy fax màu đen model KX-FT987CX, 01 máy fax màu đen model KX-FT983CX (*thu của Đinh Thị T*); 01 máy fax màu đen model KX-FT983-8IBWB005044 (*thu của Lưu Thị V*) là phương tiện, công cụ dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ; 01 máy fax màu đen model KX-FT983-9HAWD043409 (*thu của Ngô Thị Thu H và Lưu Đình T1*) bị hỏng, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[17] - 10 điện thoại di động (ĐTDD), gồm:

Các điện thoại di động dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm:

+ 01 ĐTDD Iphone 6 màu vàng, Imei: 354388068079517, lắp sim số thuê bao 0915930468 - thu của Đinh Thị T.

+ 01 ĐTDD Iphone 7 Plus màu hồng, Imei: 353812089946561, lắp sim số thuê bao 0949191621 - thu của Lưu Thị V.

+ 01 ĐTDD Vega màu trắng, Imei: 356172051822531, lắp sim có số 01225347632 – thu của Lưu Thị V.

+ 01 ĐTDĐ Iphone 6 màu vàng, Imei: 359309064715750, lắp sim số 0936424793 thu của Ngô Thị Thu H.

+ 01 ĐTDĐ OPPO F3 màu đen, Imei 1: 865251033522858, Imei 2: 865251033522841, lắp sim số 0904671829 và số 01657940195 – thu của Lưu Đình T1.

Các điện thoại di động không dùng vào việc phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án gồm:

+ 01 ĐTDĐ Iphone 6s màu vàng, Imei: 355691070640104, lắp sim số 01683441995 – thu của Ngô Thị Thu H.

+ 01 ĐTDĐ NOKIA 301 màu đen, Imei: 355516058292265, lắp sim số 01218048190 - thu của Lưu Đình T1.

+ 01 ĐTDĐ NOKIA X2 màu đen, Imei: 354600053446505, lắp sim số 01635802018 - thu của Lưu Đình T1.

+ 01 ĐTDĐ Iphone 7 plus màu đen, Imei: 359215074734485, lắp sim số 01659557999 - thu của Lưu Tuấn A.

+ 01 ĐTDĐ Iphone 4 màu đen, Imei: 012543000891874, lắp sim số 01643746888 - thu của Đinh Thị T.

[18] - 02 máy tính nhãn hiệu casio (thu của T và T1); 01 máy in nhãn hiệu Canon, 01 đầu phát Wifi (thu tại nhà Lưu Đình T1) đều dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[19] - 01 quyển tờ phơi thu ở nhà Lưu Đình T1 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[20] - 01 đầu thu camera thu ở nhà Lưu Đình T1 không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Thắng.

[21] - Đối với số tiền 161.447.000 đồng trong đó:

+ Số tiền 25.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Đinh Thị T là tiền tiết kiệm riêng của bị cáo do đi làm thuê dọn dẹp ở các nhà hàng, không sử dụng vào việc thanh toán số bao đề nên cần trả lại cho bị cáo T nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ 10.000.000 đồng thu của Đinh Thị T; 14.500.000 đồng thu của H và T1; 9.500.000 đồng thu của Lưu Thị V đều dùng vào việc thanh toán tiền đề nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

+ 102.447.000 đồng là tiền bán số bao đề trong ngày 10/4/2018 mà các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K, Đinh Đình T2, Đinh Thị P, Đinh Thị S và Hoàng

Thị H2 và các đối tượng ghi đề thuê giao nộp lại cho Cơ quan Công an nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[22] T khai bắt đầu tổ chức đánh bạc dưới hình thức lô, đề từ khoảng tháng 10/2017, tuy nhiên ngoài lời khai của các bị cáo, không còn tài liệu chứng cứ nào khác, vì vậy không có căn cứ xử lý

[23] Ngoài ra, Lưu Thị V còn khai đã chuyển một số bao, đề cho Đặng Thị Hồng N7, sinh năm 1989, nơi cư trú: Tổ 2B Hải Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng và đối tượng H8 (chưa rõ lai lịch) với tổng số tiền mua số bao, đề là 15.870.000 đồng, bằng cách chụp ảnh bảng đề chuyển qua tin nhắn Zalo trên điện thoại di động. Cơ quan điều tra đã triệu tập, xét hỏi N7 không thừa nhận hành vi nhận số bao đề của V chuyển, ngoài lời khai của V chưa có tài liệu nào khác, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, khi nào rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[24] Đối với các đối tượng có tên C4, L2, N8, N9 theo lời khai của Đinh Thị T và Ngô Thị Thu H xác định có nhận bảng đề của những người này, nhưng hiện chưa xác định được địa chỉ cụ thể; các đối tượng Đặng Thị N10, Vũ Thị M1 theo H khai có chuyển bảng đề cho H, nhưng hiện vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, khi có căn cứ xử lý sau.

[25] Đối với các đối tượng chuyển bảng đề cho Đinh Thị T và Ngô Thị Thu H có lượng tiền tương ứng trong bảng dưới 5.000.000 đồng, gồm: Ngô Thị Đ2 (sinh năm 1947, nơi cư trú: Tổ Vinh Quang); Đinh Thị D2 (sinh năm 1970), Đỗ Thị H9 (sinh năm 1964), đều cư trú: Tổ Đông Kiến Thiết; Lưu Thị N11 (sinh năm 1945), Đỗ Thị O1 (sinh năm 1959), Ngô Thị T10 (sinh năm 1959), Ngô Văn A1 (sinh năm 1959), Đinh Xuân N12 (sinh năm 1969), Lưu Thị Đ3 (sinh năm 1958), đều cư trú: Tổ Tiền Phong; Nguyễn Thị A2 (sinh năm 1982, nơi cư trú: Tổ Đông); Phạm Thị Hải Y (sinh năm 1967, nơi cư trú: Tổ Hòa Bình); Lưu Thị Hồng L3 (sinh năm 1970), Hoàng Thị N13 (sinh năm 1964), Đinh Thị L4 (sinh năm 1961), đều cư trú: Đoàn Kết 1; Đỗ Thị P3 (sinh năm 1974, nơi cư trú: Số 57 Đình Đoài); Lưu Đình K2 (sinh năm 1983), Vũ Thị Q2 (sinh năm 1980), đều cư trú: Tổ Dân Chủ; Lê Thị H10 (sinh năm 1970), Nguyễn Thị Minh T11 (sinh năm 1980), đều cư trú: Tổ Sản Xuất; Nguyễn Văn T12 (sinh năm 1958), Nguyễn Thị H11 (sinh năm 1964), đều cư trú: Tổ Cộng Hòa; Nguyễn Thị D3 (sinh năm 1988), Đinh Xuân T13 (sinh năm 1965), đều cư trú: Tổ Hạnh Phúc; Phạm Thị K3 (sinh năm 1973, nơi cư trú: Tổ Đoàn Kết); Lưu Đình L5 (sinh năm 1957, nơi cư trú: Bắc Sơn) - các đối tượng trên đều cư trú tại phường NH, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; Ngô Thị L6 (sinh năm 1971, nơi cư trú: Cầu Tre), Lưu Kim H12 (sinh năm 1957, nơi cư trú: Tổ 5), Lưu Thị T14 (sinh năm 1967, nơi cư trú: Tổ 1A) - đều cư trú ở phường NX, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; Hoàng Xuân H13 (sinh năm 1955, nơi cư trú: Tổ Vùng), Hoàng Văn P4 (sinh năm 1961, nơi cư trú: Tổ 2), Nguyễn Thị Hương S4 (sinh năm 1971, nơi cư trú: Cầu Vòng) - đều cư trú ở phường VS, quận ĐS, thành phố Hải

Phòng; Vũ Thị Hồng T15 (sinh năm 1969, nơi cư trú: Thị trấn Công Cộng, phường VH, quận ĐS, thành phố Hải Phòng). Các đối tượng trên đều chưa có tiền án, tiền sự, hành vi vi phạm chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra đã có công văn và chuyển toàn bộ các tài liệu liên quan đến Công an phường NH, phường NX, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng để xử phạt hành chính theo quy định pháp luật là có căn cứ.

[26] *Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án*: Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Lưu Thị V 170.000.000 (*Một trăm bảy mươi triệu*) đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Ngô Thị Thu H 170.000.000 (*Một trăm bảy mươi triệu*) đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Đinh Thị T 160.000.000 (*Một trăm sáu mươi triệu*) đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Lưu Đình T1 80.000.000 (*Tám mươi triệu*) đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Lưu Tuấn A (tên gọi khác: Tuấn) 80.000.000 (*Tám mươi triệu*) đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Vũ Thị H1 (tên gọi khác: Hợp) 80.000.000 (*Tám mươi triệu*) đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị L 60.000.000 (*Sáu mươi triệu*) đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị K 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị N 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Đinh Đình T2 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Đinh Thị S 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Đinh Thị P 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Hoàng Thị H2 (tức Sáu) 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Lưu Thị V, Ngô Thị Thu H, Đinh Thị T, Lưu Đình T1, Lưu Tuấn A (tức Tuấn) và Vũ Thị H1 (tức Hợp), Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N, Đinh Đình T2, Đinh Thị S, Đinh Thị P, Hoàng Thị H2 (tức Sáu).

2. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ Số tiền 136.447.000 (*Một trăm, ba mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn*) đồng, bao gồm: 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng thu của Đinh Thị T; 14.500.000 (*Mười bốn triệu, năm trăm nghìn*) đồng thu của Ngô Thị Thu H và Lưu Đình T1; 9.500.000 (*Chín triệu năm trăm nghìn*) đồng thu của Lưu Thị V ; 102.447.000 (*Một trăm linh hai triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn*) đồng do các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K, Đinh Đình T2, Đinh Thị P, Đinh Thị S và Hoàng Thị H2 (tức Sáu) và các đối tượng ghi đề thuê giao nộp lại cho Cơ quan Công an.

+ 01 (*Một*) ĐTDĐ Iphone 6 màu vàng, Imei: 354388068079517, lắp sim số thuê bao 0915930468.

+ 01 (*Một*) ĐTDĐ Iphone 7 Plus màu hồng, Imei: 353812089946561, lắp sim số thuê bao: 0949191621.

+ 01 (Một) ĐTDĐ Vega màu trắng, Imei: 356172051822531, lắp sim có số 01225347632.

+ 01 (Một) ĐTDĐ Iphone 6 màu vàng, Imei: 359309064715750, lắp sim số 0936424793.

+ 01 (Một) ĐTDĐ OPPO F3 màu đen, Imei 1: 865251033522858, Imei 2: 865251033522841, lắp sim số 0904671829 và số 01657940195.

+ 03 (Ba) máy fax, bao gồm: 01 (Một) máy fax màu đen model KX-FT987CX; 01 (Một) máy fax màu đen model KX-FT983CX; 01 (Một) máy fax màu đen model KX-FT983-8IBWB005044.

+ 02 (Hai) máy tính nhãn hiệu casio; 01 (Một) máy in nhãn hiệu Canon; 01 (Một) đầu phát Wifi.

- Trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

+ Số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng cho Đinh Thị T.

+ 01 (Một) ĐTDĐ Iphone 6s màu vàng, Imei: 355691070640104, lắp sim số 01683441995 cho Ngô Thị Thu H.

+ 01 (Một) ĐTDĐ NOKIA 301 màu đen, Imei: 355516058292265, lắp sim số 01218048190 cho Lưu Đình T1.

+ 01 (Một) ĐTDĐ NOKIA X2 màu đen, Imei: 354600053446505, lắp sim số 01635802018 cho Lưu Đình T1.

+ 01 (Một) ĐTDĐ Iphone 7 plus màu đen, Imei: 359215074734485, lắp sim số 01659557999 cho Lưu Tuấn A.

+ 01 (Một) ĐTDĐ Iphone 4 màu đen, Imei: 012543000891874, lắp sim số 01643746888 cho Đinh Thị T.

- Trả lại cho bị cáo Lưu Đình T1 01 (Một) đầu thu camera.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) máy fax màu đen model KX-FT983-9HAWD043409.

+ 01 (Một) quyển tờ phơi thu ở nhà Lưu Đình T1.

(Đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/01/2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 04/6/2018; 10/7/2018; 06/12/2018 tại Kho bạc Nhà nước).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Bình